

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|--|--|
| xuất xứ của hàng hóa, các phụ kiện đi kèm (nếu có) (C/O, C/Q, packing list...), và làm thủ tục bảo hành theo đúng quy định đối với hàng hóa nhập khẩu. | | |
| 2. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| 2.1. Tiến độ cung cấp hàng hoá: Tiến độ cung cấp hàng hóa ≤ 5 ngày, đã bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ. | Tiến độ giao hàng ≤ 5 ngày đã bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ. | Đạt |
| | Tiến độ giao hàng > 5 ngày. | Không đạt |
| 2.2. Biểu đồ tiến độ - Bảng tiến độ cung cấp, sản xuất hàng hóa: phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Bảng tiến độ lập theo sơ đồ ngang, trong đó thể hiện rõ các mốc thời gian cho các giai đoạn: - Thời gian cung ứng hoặc sản xuất thiết bị và tập kết đến đơn vị sử dụng. - Thời gian nghiệm thu, bàn giao. - Thời gian tập huấn, chuyên giao công nghệ và đưa vào sử dụng | Nhà thầu có biểu đồ tiến độ cung cấp, sản xuất hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Nhà thầu không có biểu đồ tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc Nhà thầu có biểu đồ tiến độ cung cấp, sản xuất hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Không đạt |
| 2.3 Phương án vận chuyển giao nhận hàng hóa | Có nêu rõ ràng chi tiết, hợp lý phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển, kho bãi lưu trữ, trung chuyển (nếu có), vận chuyển đến đơn vị sử dụng đảm bảo an toàn hàng hóa khi vận chuyển giao nhận | Đạt |
| | Không trình bày hoặc trình bày không hợp lý | Không đạt |
| 3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa. | | |
| 3.1 Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa, đào tạo hướng dẫn sử dụng | - Có thuyết minh các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa (nếu có), trình bày chi tiết quá trình cung cấp hàng hóa, đào tạo hướng dẫn sử dụng hợp lý và hiệu quả kinh tế, có thuyết minh chi tiết, hợp lý và nêu thời gian thực hiện cụ thể. | Đạt |
| | Không có đầy đủ các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa, | Không đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|--|--|
| | đào tạo hướng dẫn sử dụng hợp lý hoặc có nhưng không hợp lý. | |
| 3.2 Biện pháp đảm bảo chất lượng trong quá trình In và Cung cấp Bao thư | - Nhà thầu có thuyết minh biện pháp In và cung cấp bao thư từ quá trình nhận mẫu đến khi giao hàng, bảo đảm chất lượng. | Đạt |
| | Không có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi. | Không đạt |
| 3.3 Khả năng thích ứng về địa lý | Nhà thầu có văn bản cam kết Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 4. Bảo hành | | |
| 4.1. Thời gian bảo hành - Nhà thầu phải có văn bản cam kết của nhà thầu được người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc người đại diện liên danh hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký phải đính kèm văn bản ủy quyền), bao gồm đầy đủ các nội dung dưới đây: + Nhà thầu phải có trách nhiệm bảo hành hàng hóa cho gói thầu theo quy định. + Yêu cầu về hàng hoá thay thế: nhà thầu phải sẵn có các hàng hoá thay thế cho các hàng hóa nhà thầu cung cấp trong trường hợp bị lỗi. Thời gian tối đa để nhà thầu cung cấp các mẫu thay thế cho các hàng hóa và trong trường hợp cần thay thế: trong khoảng thời gian 24 giờ tính từ ngày nhận được thông báo, nhà thầu phải cung cấp hàng hoá thay thế. | Nhà thầu có văn bản cam kết: + Thời gian bảo hành toàn bộ hàng hóa đầy đủ và đáp ứng theo yêu cầu tối thiểu 12 tháng. + Yêu cầu về bảo hành: Bảo hành 1 đổi 1 tất cả hàng hóa trong thời gian bảo hành. + Nhà thầu sẵn có các hàng hoá thay thế cho các hàng hóa nhà thầu cung cấp trong trường hợp bị lỗi. Thời gian tối đa để nhà thầu cung cấp các mẫu thay thế cho các hàng hóa và trong trường hợp cần thay thế: trong khoảng thời gian 24 giờ tính từ ngày nhận được thông báo, nhà thầu sẽ cung cấp hàng hoá thay thế. | Đạt |
| | Nhà thầu không có văn bản cam kết hoặc: Nhà thầu có Văn bản cam kết thời gian bảo hành nhưng không đầy đủ hoặc không đáp ứng theo yêu cầu E-HSMT. | Không đạt |
| 4.2. Phương án bảo hành | - Nhà thầu có phương án bảo hành, thời gian thực hiện bảo hành khi có sự cố (cam kết hoặc thuyết minh khả năng cử cán bộ kỹ thuật có mặt để khắc phục sự | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|---|--|
| | cố) trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin yêu cầu bảo hành của Chủ đầu tư. | |
| | Nhà thầu không có phương án bảo hành, thời gian thực hiện bảo hành khi có sự cố hoặc: Nhà thầu có phương án bảo hành, thời gian thực hiện bảo hành khi có sự cố nhưng cử cán bộ kỹ thuật có mặt để khắc phục sự cố trong thời gian >24 giờ kể từ khi nhận được thông tin yêu cầu bảo hành để khắc phục sự cố của Chủ đầu tư. | Không đạt |
| 4.3 Thu hồi hàng hóa (Nhà thầu cung cấp bản cam kết về thu hồi sản phẩm) | Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư. Cam kết cung cấp lại toàn bộ các sản phẩm để thay thế các sản phẩm bị thu hồi đáp ứng yêu cầu chất lượng. | Đạt |
| | Không cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư hoặc không cam kết cung cấp lại toàn bộ các sản phẩm để thay thế các sản phẩm bị thu hồi đáp ứng yêu cầu chất lượng. | Không đạt |
| 5. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | | |
| Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ- | - Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. | Đạt |
| | Không đáp ứng nội dung trên | Không đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| CP Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện từ ngày 01/01/2022 trở lại đây: Nhà thầu vi phạm về đấu thầu theo quy định của pháp luật thì được đánh giá là không đạt ở mục này. | | |
| 6. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ, thanh toán | | |
| Điều kiện thanh toán, vi phạm hợp đồng | - Có cam kết đáp ứng điều kiện thanh toán theo E-ĐKC 13.1, 14.2 - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng. - Có cam kết Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng, đồng thời nhà thầu sẽ bị đánh giá “Không đạt” trong nội dung uy tín của Nhà thầu khi tham gia đấu thầu các gói thầu tiếp theo do Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh làm Chủ đầu tư. | Đạt |
| | - Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 1, 2, 3, 4, 5, 6 được xác định là Đạt. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |